

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-01-2025

V/v: Ly hôn, nuôi con giữa
anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Ngọc A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Nguyên.

- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Quỳ;

2. Bà Trần Thị Liên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Soan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Duy T, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà C đường T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2000; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn H, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Anh T1 có đơn xin vắng mặt. Chị Ngọc A vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 02-12-2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh Đặng Duy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Ngọc A có khoảng thời gian tìm hiểu là 06 tháng, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 31-10-2019. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Ngọc A không quan tâm đến chồng con. Sau khi sinh con được khoảng 06 tháng thì chị Ngọc A bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, để lại con nhỏ cho anh nuôi dưỡng. Vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Anh xác định vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm không còn nên anh xin ly hôn với chị Ngọc A.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đặng Hải Đ, sinh ngày 07-3-2020. Con chung hiện đang ở cùng với anh. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Ngọc A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Chị Nguyễn Ngọc A đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại Tòa án.

3. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 11-12-2024 chính quyền địa phương nơi chị Nguyễn Ngọc A sinh sống xác nhận: Chị Nguyễn Ngọc A đăng ký thường trú tại thôn H, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định nhưng không thường xuyên sinh sống tại đây. Chị Ngọc A có chồng là anh Đặng Duy T. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Hải Đ, sinh năm 2020. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không báo chính quyền địa phương hòa giải nên chính quyền không biết rõ về nguyên nhân mâu thuẫn của anh T và chị Ngọc A. Cháu Hải Đ hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố

tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Ngọc A đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa anh T và chị Ngọc A.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung là Đặng Hải Đ, sinh ngày 07-3-2020 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Đặng Duy T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Anh Đặng Duy T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Ngọc A đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Anh Đặng Duy T có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T và chị Ngọc A theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 31-10-2019 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân trong cuộc sống. Anh chị lại không có biện pháp giải quyết nên mâu thuẫn trở nên căng thẳng hơn dẫn đến việc chị Ngọc A bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng ly thân nhiều năm. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn. Chị Ngọc A không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa chị Ngọc A vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện chị Ngọc A không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Xét mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị Ngọc A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử lý hôn giữa anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Ngọc A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung là Đặng Hải Đ, sinh ngày 07-3-2020. Con chung hiện đang ở cùng với anh T. Để đảm bảo cho sự ổn định và phát triển của con chung nên Hội đồng xét xử có căn cứ để giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 không yêu cầu chị Ngọc A phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là anh Đặng Duy T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Ngọc A.

2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Hải Đ, sinh ngày 07-3-2020 cho anh Đặng Duy T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Ngọc A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đặng Duy T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002475 ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Ngọc A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Ngọc A có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND xã Thành Lợi (Xã Liên Bảo cũ);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên

